BỘ TÀI CHÍNH

**TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều/ khoản** | **Nghị định 68/2016/NĐ-CP** | **Nội dung được sửa đổi tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung** | **Giải trình** |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Cửa hàng miễn thuế là …..  2. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là …….  3. Khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là ……..  4. Kho xăng dầu là ……  5. Kho hàng không kéo dài ……  6. Địa điểm thu gom hàng lẻ gọi tắt là kho CFS (Container Freight Station), là …….  7. Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung là ……. | **Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 3 như sau:**  **“**8. Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh là khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa đối với bưu gửi xuất khẩu, nhập khẩu được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh. | Bổ sung thêm khái niệm để hiểu thống nhất trong quá trình thực hiện |
| 9. Kho, bãi ngoại quan chuyên dùng là kho, bãi ngoại quan được sử dụng để lưu giữ, bảo quản một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt như chất lỏng, hóa chất, hàng đông lạnh hoặc hàng hóa phải được lưu giữ ở điều kiện nhiệt độ, ánh sáng và môi trường nhất định theo yêu cầu của nhà sản xuất.” | Kho, bãi ngoại quan chuyên dùng đã được nêu tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 68/2016/NĐ-CP, tuy nhiên đưa vào Điều 3 về giải thích từ ngữ cho phù hợp. |
| **Điều 4. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế** | 1. Vị trí đặt cửa hàng miễn thuế   a)…  b)…  c)…..  d) Kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế hoặc trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế hoặc thuộc địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. | **Sửa đổi điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 4 như sau:**  “d) Kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế hoặc trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế hoặc thuộc địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP. | Sửa đổi khoản này do Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP |
| 2. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong cửa hàng miễn thuế theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;  b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. | 2. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan; kết nối và truyền dữ liệu trực tiếp đến cơ quan hải quan theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành. | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC. Theo đó, cần quy định cụ thể về phần mềm quản lý để doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa ra vào kho bãi kết nối tự động với cơ quan Hải quan. |
| 3. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 3.Có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí trong kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng trong khu cách ly để giao hàng cho đối tượng mua hàng là khách chờ xuất cảnh vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 12 tháng. Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan. | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| **Điều 7. Tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế** | 1 …….  2. Trình tự, thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế  a) Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.  b) Sau khi ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra, xác nhận lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.  c) Thực hiện thanh khoản các tờ khai hải quan tạm nhập đối với trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. | **Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 7 như sau:**  2. Trình tự, thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế  a) Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.  b) Sau khi ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra, xác nhận lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.  c) Trong trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế quy định tại điểm a, c, d, và đ khoản 1 Điều 8 Nghị định này thì doanh nghiệp thực hiện nộp báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế từ thời điểm kết thúc năm tài chính trước đến thời điểm cơ quan hải quan thông báo tạm dừng cho cơ quan hải quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo tạm dừng. | Theo quy định tại Nghị định số 167/2016/NĐ-CP việc quản lý kinh doanh hàng miễn thuế của cơ quan hải quan chuyển từ việc thanh khoản theo từng tờ khai xuất nhập khẩu chuyển sang việc báo cáo Quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo năm tài chính. Vì vậy, việc sửa đổi đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản trong quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế |
| 3. Trong thời gian tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.  4……  5……. | 3. Thời gian tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế hoặc trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế được Cục Hải quan quản lý kinh doanh hàng miễn thuế cho phép. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa.” | Theo quy định tại Nghị định số 167/2016/NĐ-CP việc quản lý kinh doanh hàng miễn thuế của cơ quan hải quan chuyển từ việc thanh khoản theo từng tờ khai xuất nhập khẩu chuyển sang việc báo cáo Quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo năm tài chính. Vì vậy, việc sửa đổi đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản trong quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế |
| **Điều 9. Mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu cửa hàng miễn thuế.** |  | Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề nghị mở rộng, thu hẹp: 01 bản sao. | Bổ sung hồ sơ văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề nghị mở rộng, thu hẹp. |
| **Điều 8. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế** | 1…..  2. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế:  a) Tổng cục Hải quan có văn bản giao Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra lượng hàng tồn, số lượng hàng hóa đã tạm nhập để thực hiện thanh khoản.  b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo kết quả thanh khoản về Tổng cục Hải quan trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao thực hiện kiểm tra của Tổng cục Hải quan.  c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ khi nhận được văn bản báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế. | **Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:**  “2. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế:  a) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế hoạt động theo Điều 22 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ.  a.1) Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị đến Tổng cục Hải quan hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan đối với trường hợp quy định tại điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều này.  a.2) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp hoặc báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan có văn bản giao Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện:  a.2.1) Kiểm tra lượng hàng tồn, số lượng hàng hóa đã tạm nhập, tạm xuất  a.2.2) Yêu cầu doanh nghiệp lập báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế từ thời điểm kết thúc năm tài chính trước đến thời điểm kiểm tra và phương án xử lý hàng hóa hiện còn đang tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;  a.2.3) Kiểm tra báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế, xử lý lượng hàng đã đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế  a.2.4) Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo báo cáo Tổng cục Hải quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng cục Hải quan.  a.3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế.  b) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế không hoạt động theo Điều 22 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ:  b1) Trong vòng 30 ngày từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp hoặc phát hiện vi phạm của doanh nghiệp quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện:  b.1.1) Kiểm tra lượng hàng tồn, số lượng hàng hóa đã tạm nhập, tạm xuất (nếu có);  b.1.2) Yêu cầu doanh nghiệp lập báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế từ thời điểm kết thúc năm tài chính trước đến thời điểm kiểm tra và phương án xử lý hàng hóa hiện còn đang tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;  b.1.3) Thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán (nếu có);  b.1.4) Xử lý lượng hàng đã đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế;  b.1.5) Báo cáo Tổng cục Hải quan kết quả xử lý.  b2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế.” | - Theo quy định tại Nghị định số 167/2016/NĐ-CP việc quản lý kinh doanh hàng miễn thuế của cơ quan hải quan chuyển từ việc thanh khoản theo từng tờ khai xuất nhập khẩu chuyển sang việc báo cáo Quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo năm tài chính. Vì vậy, việc sửa đổi đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản trong quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế  - Theo quy định tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP thì tất cả các trường hợp tạm dừng thì đều do Tổng cục Hải quan có công văn giao Cục Hải quan tỉnh thành phố sau đó Cục Hải quan tỉnh thành phố mới thực hiện các thủ tục để tạm dừng. Tuy nhiên qua việc theo dõi nhận thấy hầu hết các trường hợp tạm dừng là do Cục Hải quan tỉnh thành phố là đơn vị quản lý trực tiếp phát hiện ra (quá 6 tháng sau khi TCHQ cấp phép nhưng không đưa vào hoạt động, không duy trì các điều kiện theo quy định, vi phạm thủ tục hành chính,....). Vì vậy, ban soạn thảo thực hiện quy định việc tạm dừng tách riêng 2 trường hợp: 01 trường hợp là do doanh nghiệp có văn bản yêu cầu TCHQ và 01 trường hợp là các trường hợp phải thu hồi giấy phép do Cục HQ tỉnh, thành phố phát hiện đề xuất TCHQ. |
| **Điều 10. Điều kiện công nhận kho ngoại qua** | 1. Khu vực đề nghị công nhận kho ngoại quan phải nằm trong các khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật hải quan; khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước; địa bàn ưu đãi đầu tư; khu vực phục vụ hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản sản xuất tập trung.  2. …...  3…. | **Sửa đổi khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 10 như sau:**  “1. Khu vực đề nghị công nhận kho ngoại quan phải nằm trong các khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật hải quan; địa bàn ưu đãi đầu tư; khu vực phục vụ hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản sản xuất tập trung.  Khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước (được Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt quy hoạch hệ thống kho bãi, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa tập trung) | Bổ sung chi tiết việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển trung tâm logistics trên địa bàn cả nước cụ thể là Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Do hiện nay một số tỉnh cũng đã quyết định quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm được tập trung tại một khu vực, tránh việc tràn lan, tốn nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý. |
| 4. Kho ngoại quan phải có diện tích tối thiểu 5.000 m2 (bao gồm nhà kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó khu vực kho chứa hàng phải có diện tích từ 1.000 m2 trở lên. Đối với kho ngoại quan chuyên dùng để lưu giữ một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt thì phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2 hoặc thể tích chứa hàng tối thiểu 1.000 m3. Riêng đối với kho ngoại quan nằm trong khu vực cảng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2. Bãi ngoại quan chuyên dùng phải có diện tích tối thiểu 10.000 m2, không yêu cầu diện tích kho. | 4. Kho ngoại quan phải có diện tích tối thiểu 5.000 m2 (bao gồm nhà kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó khu vực kho chứa hàng phải có diện tích từ 1.000 m2 trở lên. Đối với kho ngoại quan chuyên dùng thì phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2 hoặc thể tích chứa hàng tối thiểu 1.000 m3. Bãi ngoại quan chuyên dùng phải có diện tích tối thiểu 10.000 m2, không yêu cầu diện tích kho. Riêng đối với kho ngoại quan nằm trong khu vực cảng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2; kho ngoại quan nằm trong khu vực chế xuất phục vụ doanh nghiệp chế xuất phải có diện tích tối thiểu 4.000 m2 | * Tại nội dung giải thích về kho ngoại quan chuyên dùng, đã chuyển lên Điều 3 phần giải thích từ ngữ để phù hợp.   Việc bổ sung điều kiện diện tích đối với kho ngoại quan nằm trong khu vực chế xuất có diện tích tối thiểu 4.000m2 để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chế xuất. Trong thực tế có một số kho ngoại quan đang hoạt động rất có hiệu quả, chấp hành tốt các quy định pháp luật, đảm bảo các điều kiện theo quy định chỉ thiếu một phần diện tích. Tuy nhiên quỹ đất tại ví trí kho ngoại quan của doanh nghiệp kinh doanh kho lại hạn chế, không thể mở rộng thêm diện tích liền kề. |
| 5. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho ngoại quan theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;  b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. | 5. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập-xuất-tồn trong kho ngoại quan theo từng mặt hàng, tờ khai hải quan đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành để thực hiện Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động theo quy định. | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC . Theo đó, cần quy định cụ thể về phần mềm quản lý để doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa ra vào kho bãi kết nối tự động với cơ quan Hải quan. |
| 6. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong kho ngoại quan. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 1. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong kho, bãi ngoại quan vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 12 tháng.” | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| **Điều 11. Hồ sơ công nhận kho ngoại quan** | 1. Văn bản đề nghị công nhận …..  2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp …..  3. Sơ đồ thiết kế …..  4. Tài liệu mô tả chương trình phần mềm ….  5. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng kho….  6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy ….  7. Quy chế hoạt động: 01 bản chính. | **Sửa đổi khoản 3 Điều 11 như sau:**  “3.Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi, thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của hải quan; tài liệu mô tả, sơ đồ vị trí lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát kho ngoại quan đề nghị công nhận: 01 bản sao.” | Bổ sung nội dung tài liệu mô tả, sơ đồ vị trí lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát kho ngoại quan đề nghị công nhận để doanh nghiệp kinh doanh kho bãi thuyết minh chi tiết các vị trí lắp đặt ca-mê-ra và cụ thể hóa sơ đồ vị trí ca-mê-ra sẽ được lắp đặt đáp ứng công tác giám sát của cơ quan hải quan quản lý. |
| **Điều 13. Mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan** | 1. Trường hợp có nhu cầu mở rộng, thu hẹp diện tích, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan, bao gồm:  a) Văn bản đề nghị mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản chính;  b) Sơ đồ kho, bãi khu vực mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao;  c) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm khi mở rộng, thu hẹp, di chuyển: 01 bản sao;  d) Hợp đồng liên quan đến chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao. | “1. Trường hợp có nhu cầu mở rộng (là khu vực liền kề hoặc khu vực khác trong địa bàn của Chi cục Hải quan quản lý kho hiện hữu), thu hẹp kho ngoại quan và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý kho, bao gồm:  a) Văn bản đề nghị mở rộng, thu hẹp: 01 bản chính;  b) Sơ đồ kho, bãi khu vực mở rộng, thu hẹp,: 01 bản sao;  c) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng kho, bãi khi mở rộng, thu hẹp: 01 bản sao;  d) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề nghị mở rộng, thu hẹp: 01 bản sao.  đ) Sơ đồ lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát kho ngoại quan đề nghị mở rộng, thu hẹp: 01 bản sao. | * Việc mở rộng kho ngoại quan có thể là khu vực liền kề với kho hiện hữu hoặc có một khoảng cách nhất định. Thực tế hiện nay các doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan (như Bình Dương, Đồng Nai) chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp SXXK, doanh nghiệp chế xuất có hệ thống kho ngoại quan hiện đại, đầu tư hạ tầng và công nghệ cao. Tuy nhiên, muốn mở rộng thì khu vực liền kề không có đất để thuê, phải thuê dất tại khu vực khác nhưng vẫn đảm bảo quy định về vị trí, phù hợp với công tác quản lý của cơ quan hải quan và cùng một chủ sở hữu không phải cấp thêm mã kho cũng như không phải làm thủ tục thành lập mới. * Thẩm quyền mở rộng, thu hẹp: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi luôn có nhu cầu mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan theo nhu cầu của khách hàng. Theo đó để tạo điều kiện được nhanh chóng, giảm thủ tục hành chính đề xuất giao Hải quan tỉnh, thành phố thẩm quyền xét duyệt hồ sơ và ra quyết định thu hẹp, mở rộng kho ngoại quan trên địa bàn quản lý. |
| 2. Trường hợp có nhu cầu đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan, bao gồm:  a) Văn bản đề nghị đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản chính;  b) Sơ đồ kho, bãi khu vực di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao;  c) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng kho, bãi khi mở rộng, thu hẹp, di chuyển: 01 bản sao;  d) Giấy tờ chứng minh thay đổi tên doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản sao  đ) Văn bản thỏa thuận giữa hai bên chuyển quyền sở hữu và chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan. (Bao gồm: Hợp đồng liên quan đến chuyển quyền sở hữu; Văn bản thống nhất của chủ hàng về việc tiếp tục gửi hàng hóa tại kho ngoại quan sau khi chuyển quyền sở hữu trong trường hợp tại thời điểm chuyển quyền sở hữu chủ hàng vẫn có hàng gửi kho ngoại quan): 01 bản sao.  e) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề nghị di chuyển: 01 bản sao. | Bổ sung thêm hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu để làm rõ về trách nhiệm giữa bên chuyển quyền sở hữu và bên được chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan. |
| 2. Trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu thực hiện như trình tự công nhận kho ngoại quan theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. | 3. Trình tự mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan:  a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị mở rộng, thu hẹp gửi qua đường bưu điện, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử của cơ quan hải quan đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý kho ngoại quan.  b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, thực tế kho, bãi. Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan và doanh nghiệp ký biên bản ghi nhận nội dung kiểm tra.  c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, thực tế kho, bãi, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra quyết định mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc có văn bản trả lời doanh nghiệp nếu chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.  d) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản thông báo và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo nhưng doanh nghiệp không có phản hồi bằng văn bản, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có quyền hủy hồ sơ. | Việc giao thẩm quyền mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nên về trình tự mở rông mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan được bổ sung để phù hợp với quy định.  Để thống nhất về mẫu Quyết định mở rộng/thu hẹp kho ngoại quan khi giao thẩm quyền cho Hải quan tỉnh, thành phố, bổ sung phụ lục mẫu số 03. |
|  | 4. Trình tự đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan thực hiện như trình tự công nhận kho ngoại quan theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.” |  |
| **Điều 19. Điều kiện công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ** | 1…  2….  3….  4. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong địa điểm thu gom hàng lẻ theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;  b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. | **Sửa đổi khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 19 như sau:**  “4. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập-xuất-tồn trong địa điểm thu gom hàng lẻ theo từng mặt hàng, tờ khai hải quan đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành để thực hiện Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động theo quy định.” | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC. Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa tự động kết nối với cơ quan Hải quan. |
| 5. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong địa điểm thu gom hàng lẻ. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 5. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong địa điểm thu gom hàng lẻ vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 12 tháng. | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| 6. Đối với địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được công nhận trong nội địa, doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này. Trước khi đưa vào hoạt động, doanh nghiệp phải thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý cảng biển; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa. | 6. Đối với địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa:  a) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ là doanh nghiệp kinh doanh cảng thì không phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này nhưng phải làm thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ để làm thủ tục hàng hóa đưa ra, đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ. Trước khi đưa vào hoạt động, doanh nghiệp phải thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý cảng biển; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa. Tổng cục Hải quan cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ trong cảng”  b) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ không phải là doanh nghiệp kinh doanh cảng, việc công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện thủ tục công nhận theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định này. | Do liên quan đến quản lý hàng hóa ra vào địa điểm thu gom hàng lẻ quản lý trên hệ thống thì doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ cần phải có mã kho để khai báo khi làm thủ tục hải quan. |
| **Điều 21. Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm thu gom hàng lẻ** | Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này. Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này. | **Sửa đổi Điều 21 như sau:**  **Điều 21. Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm thu gom hàng lẻ**  Trình tự thu hẹp, mở rộng, đổi tên, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan tại Điều 13 Nghị định này | Đã giải trình nội dung này ở phần trình tự thu hẹp, mở rộng, đổi tên, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt của kho ngoại quan. Do đây là điều khoản dẫn chiếu từ Điều 21 đến Điều 13 Nghị định này. |
| **Điều 22. Xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải qua** | 1…  2….  3. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý, theo dõi xăng dầu nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho.  b) Kết nối trực tiếp dữ liệu xăng dầu đưa vào, đưa ra kho với cơ quan hải quan quản lý kho xăng dầu. | **Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 22 như sau:**  “3. Có phần mềm quản lý được hàng hóa xuất-nhập-tồn đảm bảo yêu cầu kết nối, truyền dữ liệu trực tuyến với cơ quan hải quan theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành. | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC . Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa tự động kết nối với cơ quan Hải quan.  Bên cạnh đó, để tăng cường hơn nữa hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu xăng dầu; yêu cầu việc kết nối phần mềm quản lý hàng hóa nhập – xuất – tồn giữa doanh nghiệp với cơ quan hải quan phải được kết nối online (trực tuyến). Tuy nhiên để làm được điều này cần phải sớm triển khai xây dựng phần mềm của cơ quan hải quan để kết nối và xử lý các dữ liệu từ phía doanh nghiệp đồng thời cần một lộ trình đủ để các DN kinh doanh xăng dầu chuẩn bị đầu tư và thực hiện |
| 4. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong kho xăng dầu. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ).  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng.  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và thương nhân kinh doanh xăng dầu về phần mềm quản lý xăng dầu đưa vào, đưa ra kho xăng dầu, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 4.  Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý kho xăng dầu; đảm bảo quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ) toàn cảnh khu vực kho, giám sát được mọi hoạt động đưa hàng hóa và phương tiện vận tải xuất, nhập kho xăng dầu. Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra lưu giữ tối thiểu 12 tháng | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| **Điều 25.  Điều kiện công nhận kho hàng không kéo dài** | 1…  2…  3…  4…  5.Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho.  b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. | **Sửa đổi khoản 5, khoản 6 Điều 25 như sau:**  “5. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập-xuất-tồn trong kho hàng không kéo dài đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành để thực hiện Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động theo quy định. | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC . Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa tự động kết nối với cơ quan Hải quan. |
| 6. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong kho. Hình ảnh quan sát được tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ).  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng.  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và chủ kho hàng không kéo dài về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 6. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong kho hàng không kéo dài vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 12 tháng.” | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| **Điều 28. Mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài** | Trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này. | **“Điều 28. Trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài:**  a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu gửi qua đường bưu điện, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử của cơ quan hải quan đến Tổng cục Hải quan.  b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, thực tế kho, bãi. Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan và doanh nghiệp ký biên bản ghi nhận nội dung kiểm tra.  c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, thực tế kho, bãi, Tổng cục Hải quan ra quyết định mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài hoặc có văn bản trả lời doanh nghiệp nếu chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.  d) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo nhưng doanh nghiệp không có phản hồi bằng văn bản, Tổng cục Hải quan có quyền hủy hồ sơ. | Tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP thì trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài được dẫn chiếu đến điều khoản thực hiện như kho ngoại quan. Tuy nhiên Điều 12,13 đã được sửa đổi lại về thẩm quyền ra quyết định mở rộng, thu hẹp giao cho Hải quan tỉnh, thành phố.  Trong khi đó, đối với kho hàng không kéo dài việc kiểm tra thực tế và ra quyết định đối với các trình tự mở rộng, thu hẹp lại liên quan đến sự phối hợp với các Bộ ngành khác ( như Bộ GTVT, UBND tỉnh, thành phố) nên việc giao thẩm quyền cho Hải quan địa phương là không phù hợp. Thẩm quyền phải do Tổng cục Hải quan quyết định.  Do đó, không thể dẫn chiếu đến điều khoản như kho ngoại quan. Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi lại cho phù hợp. |
| **Điều 31. Điều kiện công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn** | 1. Phải có diện tích tối thiểu từ 50.000 m2 trở lên. | “**Điều 31. Điều kiện công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn**  (Bãi bỏ khoản 1 điều 31 ) | Bãi bỏ khoản 1 Điều 31 quy định điều kiện về diện tích đối với địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn. Lý do: khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước (được Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt quy hoạch hệ thống kho bãi, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa tập trung);. Theo khoản 4, điều 7 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 thì tiêu chí để xác định cảng cạn phải đáp ứng về diện tích 05 ha trở lên |
| 2. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;  b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. | 1. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập-xuất-tồn trong địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn theo từng mặt hàng, tờ khai hải quan đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý theo chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành để thực hiện Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động theo quy định. | Thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC . Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm phải đáp ứng phần mềm quản lý hàng hóa tự động kết nối với cơ quan Hải quan. |
| 3. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  a) Quan sát được các vị trí trong địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);  b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;  c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | 2. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 12 tháng.” | Tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như giảm nguồn nhân lực của cơ quan hải quan thông qua giám sát bằng hệ thống ca-mê-ra. |
| **Điều 34. Mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn** | 1. Trường hợp có nhu cầu mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan, bao gồm:  a) Văn bản đề nghị mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động: 01 bản chính;  b) Sơ đồ kho, bãi khu vực mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao;  c) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm khi mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao;  d) Hợp đồng liên quan đến chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao.  2. Trình tự, thủ tục, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này. Riêng việc mở rộng, thu hẹp, tạm dừng hoạt động của địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định.  3. Trường hợp di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn, trên cơ sở văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính xem xét ra quyết định chấm dứt hoạt động của địa điểm theo quyết định cũ, đồng thời ra quyết định công nhận, chuyển quyền sở hữu địa điểm nếu chủ địa điểm mới đáp ứng quy định tại Điều 31 Nghị định này. | Sửa đổi, bổ sung tên Điều, khoản 1, khoản 2 như sau:  Điều 34. **Mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn**  **1.** Trường hợp có nhu cầu mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan, bao gồm:  a) Văn bản đề nghị mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động: 01 bản chính;  b) Sơ đồ kho, bãi khu vực mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu; Sơ đồ kho, bãi khu vực mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu; Sơ đồ lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát kho ngoại quan đề nghị mở rộng, thu hẹp: 01 bản sao;  c) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm khi mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao;  d) Hợp đồng liên quan đến chuyển quyền sở hữu: 01 bản sao.  đ) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề nghị mở rộng, thu hẹp, di chuyển: 01 bản sao..  2. Trình tự, thủ tục, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động thực hiện tương tự như Điều 28 Nghị định này. | 1. Bổ sung điểm b khoản 1 Sơ đồ lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát kho ngoại quan đề nghị mở rộng, thu hẹp để doanh nghiệp kinh doanh kho bãi thuyết minh chi tiết các vị trí lắp đặt ca-mê-ra và cụ thể hóa sơ đồ vị trí ca-mê-ra sẽ được lắp đặt đáp ứng công tác giám sát của cơ quan hải quan quản lý 2. Tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP thì trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho hàng không kéo dài được dẫn chiếu đến điều khoản thực hiện như kho ngoại quan. Tuy nhiên Điều 12,13 đã được sửa đổi lại về thẩm quyền ra quyết định mở rộng, thu hẹp giao cho Hải quan tỉnh, thành phố.   Trong khi đó, đối với địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn lại liên quan đến sự phối hợp với các Bộ ngành khác ( như Bộ GTVT, UBND tỉnh, thành phố) nên việc giao thẩm quyền cho Hải quan địa phương là không phù hợp. Thẩm quyền phải do Tổng cục Hải quan quyết định.  Do đó, không thể dẫn chiếu đến điều khoản như kho ngoại quan. Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi lại cho phù hợp. |
| **Điều 36. Điều kiện công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính Điều kiện công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính** | 1. Vị trí  a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung ở các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;  b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh nằm trong quy hoạch khu vực sân bay quốc tế theo quy định của pháp luật;  c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu không quá 10 km.  2. Diện tích  a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung có diện tích tối thiểu 10.000 m2;  b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh có diện tích tối thiểu 5.000 m2; địa điểm kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính có diện tích tối thiểu 1.000 m2;  c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới có diện tích tối thiểu 5.000 m2.  3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị  a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh;  b) Đảm bảo điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính;  c) Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:  - Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong địa điểm.  - Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  d) Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:  - Quan sát được các vị trí trong địa điểm. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ).  - Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng.  - Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.  Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát. | “ **Điều 36. Điều kiện công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh**:  1.Vị trí:  a)Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung ở các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;  b) Địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh đặt tại:  - Khu vực cảng hàng không dân dụng quốc tế theo quy định hoặc khu vực lân cận cảng hàng không dân dụng quốc tế, cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, cửa khẩu cảng biển loại I, cửa khẩu quốc tế đường bộ nhưng có bán kính không quá 20 km so với khu vực cửa khẩu quốc tế hoặc  - Trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất hoặc  - Trong khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics.  c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu có bán kính không quá 10 km. | Mở rộng thêm vị trí thành lập địa điểm tập kết, giám sát, tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh (gọi tắt là địa điểm CPN) nhằm đáp ứng thực tế phát sinh.  Theo quy định trước đây địa điểm CPN chỉ được thành lập tại khu vực sân bay, tuy nhiên tại dự thảo đề nghị mở rộng tại các khu vực cửa khẩu khác và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất , trung tâm logictics |
|  | 1. Diện tích:   a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung có diện tích tối thiểu 10.000 m2;  b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh có diện tích khu đất xây dựng tối thiểu là 1.000 m2 đối với địa điểm có 01 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động và diện tích khu đất xây dựng tối thiểu là 5.000 m2 đối với địa điểm có từ 02 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động trở lên.  c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới có diện tích tối thiểu 5.000 m2. | Thực tế phát sinh nếu quy định diện tích 5.000 m2 thì nếu tại địa điểm chỉ có 01 doanh nghiệp CPN hoạt động thì diện tích này doanh nghiệp không sử dụng hết gây lãng phí, vì vậy đề xuất về diện tích quy định 02 trường hợp là địa điểm chỉ có 1 doanh nghiệp hoạt động thì chỉ cần 1.000 m2 còn đối với có từ 2 doanh nghiệp hoạt động trở lên thì diện tích tối thiếu 5.000 m2 (giữ nguyên như Nghị định 68/2016/NĐ-CP) |
|  | 1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị   a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh;  b) Đảm bảo điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính;  Đối với địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh có từ 02 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động trở lên và các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động độc lập thì tại địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát, tập trung bố trí nơi làm việc chung cho cơ quan hải quan và nơi làm việc riêng cho cơ quan hải quan tại vị trí của từng doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh.   1. Có phần mềm quản lý được hàng hóa xuất-nhập-tồn đảm bảo yêu cầu khả năng kết nối, truyền dữ liệu với cơ quan hải quan. Đáp ứng chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.   Trường hợp địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh có từ 02 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động trở lên và các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động độc lập thì từng doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh phải có phần mềm đáp ứng điều kiện trên, nối mạng với cơ quan hải quan doanh nghiệp kinh doanh địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh không cần có phần mềm đáp ứng các điều kiện trên.  d) Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong địa điểm vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 12 tháng.” | Do đặc điểm của doanh nghiệp chuyển phát nhanh cũng như thực trạng tại 02 địa điểm CPN tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh cho thấy hai công ty thực hiện kinh doanh địa điểm này đều xuất phát từ những đơn vị cho doanh nghiệp chuyển phát nhanh thuê mặt bằng và trước thời điểm thành lập 2 địa điểm chuyển phát nhanh tập trung này mỗi doanh nghiệp chuyển phát nhanh thuê địa điểm tại của 02 công ty kinh doanh kho bãi trên được Tổng cục Hải quan công nhận riêng về địa điểm và doanh nghiệp chuyển phát nhanh đã thực hiện việc đầu tư riêng về các điều kiện yêu cầu của cơ quan hải quan (máy soi, camera giám sát, phần mềm kết nối với cơ quan hải quan,…) và mỗi doanh nghiệp chuyển phát nhanh đầu tư riêng một dây chuyên khai thác hàng theo tiêu chuẩn riêng của hãng chuyển phát nhanh trên toàn cầu.  Vì vậy, sau khi Tổng cục Hải quan công nhận 02 địa điểm kiểm tra tập trung này (ALS, TECS) thì các doanh nghiệp chuyển phát nhanh đã nằm trong địa điểm này vẫn giữ nguyên về cơ sở vật chất đã đầu tư và vẫn hoạt động thành một quy trình khai thác hàng riêng của doanh nghiệp nên việc mong muốn của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) nhằm đưa ra một mô hình tập trung trong việc khai thác hàng chuyển phát nhanh chung cho các doanh nghiệp không thực hiện được về thực chất mà các quy định này mới chỉ thực hiện được ở mức độ tập trung các doanh nghiệp chuyển phát nhanh về gần nhau hơn về vị trí địa lý.  Để khắc phục những nhược điểm này, Tổng cục Hải quan đã có nhiều văn bản chỉ đạo yêu cầu Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh, Cục Hải quan thành phố Hà Nội làm việc với doanh nghiệp chuyển phát nhanh, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi để đưa ra mô hình hoạt động phù hợp nhất nhưng tính đến thời điểm hiện tại không thể triển khai thực hiện được do: (1) yếu tố lịch sử để lại; (2) đối với doanh nghiệp kinh doanh kho bãi phải quản lý các thông tin hàng ra, hàng vào, tuy nhiên do đặc điểm đối với DN CPN thì hàng hóa trong kho, bãi doanh nghiệp CPN là người cóa trách nhiệm xếp, dỡ, bảo quản, phân loại, chia chọn, .. thực hiện các thủ tục hải quan; (3) Các doanh nghiệp kinh doanh địa điểm không có thông tin về hàng hóa do doanh nghiệp CPN không cung cấp.  Vì vậy, để khắc phục tình trạng trên đồng thời cũng mở ra cho các doanh nghiệp trong thời gian tới thực hiện đảm bảo theo mô hình tập trung theo mong muốn của cơ quan quản lý nhóm soạn thảo đã sửa đổi nhằm thực hiện được 03 mô hình hoạt động của địa điểm CPN như sau:  - Tại địa điểm chỉ có 01 doanh nghiệp CPN hoạt động doanh nghiệp CPN đồng thời là doanh nghiệp kinh doanh địa điểm --> TCHQ công nhận địa điểm cho doanh nghiệp CPN đồng thời là doanh nghiệp kinh doanh địa điểm.  - Tại địa điểm có từ 02 doanh nghiệp CPN hoạt động trở lên. Tuy nhiên, mỗi doanh nghiệp CPN thực hiện thủ tục hải quan độc lập, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý chung --> cơ quan hải quan công nhận địa điểm chung và địa điểm của từng doanh nghiệp CPN thuê trong địa điểm chung (mô hình của TECS và ALS hiện nay).  Tại địa điểm có từ 02 doanh nghiệp CPN hoạt động trở lên. Các doanh nghiệp CPN hoạt động theo mô hình thông quan chung (khu vực soi chiếu, khu vực giám sát, khu vực làm thủ tục,...) và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện. Vì vậy, TCHQ chỉ công nhận địa điểm cho doanh nghiệp kinh doanh địa điểm còn việc cho các doanh nghiệp CPN thuê như thế nào là nội bộ giữa DN CPN và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm. |
| **Điều 37. Hồ sơ công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính** | **Điều 37. Hồ sơ công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính**  1. Văn bản đề nghị công ….  2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ….  3. Sơ đồ thiết kế khu vực địa điểm …  4. Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào đưa ra địa điểm: 01 bản chính.  5. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm…. | **Sửa tên Điều 37 và sửa đổi khoản 4, khoản 6, khoản 8, khoản 9, bổ sung khoản 10 Điều 37 như sau:**  **“Điều 37. Hồ sơ công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh:**   1. Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào đưa ra địa điểm (nếu có): 01 bản chính; |
| 6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản sao.  7. Quy chế hoạt động…. | 6. Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực đề công nhận: 01 bản sao.. |
| 8. Văn bản quy hoạch khu vực sân bay quốc tế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh: 01 bản sao. | 8. Văn bản quy hoạch khu vực sân bay quốc tế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh (nếu có); 01 bản sao. |
| 9. Giấy phép bưu chính hoặc thông báo hoạt động bưu chính do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về bưu chính đối với trường hợp công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính: 01 bản sao. | 9. Giấy phép bưu chính hoặc thông báo hoạt động bưu chính do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về bưu chính đối với trường hợp công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính (nếu có): 01 bản sao; |
|  | 10. Đối với doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động độc lập trong địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh đã được công nhận, hồ sơ của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh đề nghị công nhận gồm khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 Điều này. |
| **Điều 38. Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính** | Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung, địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính thực hiện tương tự như đối với kho ngoại quan quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này. | **Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:**  **“Điều 38. Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.**  Trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh hiện tương tự như đối với kho hàng không kéo dài tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định này.  Đối với các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh có từ 02 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh trở lên hoạt động độc lập với nhau thì Tổng cục Hải quan thực hiện công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh cho địa điểm chung và công nhận từng địa điểm của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoạt động trong địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính đã được công nhận.” |  |
| **Điều 38a** |  | Bổ sung Điều 38a như sau:  Điều 38a. Điều kiện công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.  1. Vị trí: Được cơ quan có thẩm quyền công bố cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.  2. Diện tích:  Theo dự án hồ sơ thiết kế được phê duyệt và công bố của cơ quan có thẩm quyền và đề nghị công nhận diện tích kho, bãi của doanh nghiệp  a) Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển loại I phải có diện tích tối thiểu 50.000 m2;  b) Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển loại II phải có diện tích tối thiểu 10.000 m2  c) Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng thủy nội địa phải có diện tích tối thiểu 5.000 m2;  d) Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng hàng không quốc tế phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2. Đối với cảng hàng không nội địa được phép khai thác chuyến bay quốc tế kho, bãi, địa điểm phải có diện tích tối thiểu 500 m2;  đ) Kho, bãi, địa điểm trong khu vực ga liên vận đường sắt quốc tế phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2. | Bổ sung Điều 38a về điều kiện công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế. Lý do, được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ.   1. Cảng biển:   Hiện nay, hệ thống cảng biển được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải công bố đã và đang hoạt động có nhiều quy mô, diện tích khác nhau, có những cảng biển công bố cầu tầu và hệ thống kho bãi có diện tích khoảng 100.000m2 đến 1.500.000m2. Tuy nhiên, trong hoạt động kinh doanh cảng còn kinh doanh cả hàng hóa nội địa và hàng hóa xuất nhập khẩu. Do vậy, quy định đối với Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển loại I phải có diện tích tối thiểu 50.000 m2 kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển loại II phải có diện tích tối thiểu 10.000 m2 là phù hợp với thực tế, tránh tình trạng manh mún   1. Cảng thủy nội địa:   Hệ thống cảng thủy nội địa trên toàn quốc hiện nay chủ yếu vẫn hoạt động vận chuyển hàng hóa nội địa, chỉ một số ít có hoạt động tiếp nhận tàu nước ngoài và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đa phần là cảng biển loại II thuộc Nhóm 6, diện tích các cảng không lớn chỉ từ 30.000m2 đến 100.000m2. Do vậy, quy định về thành lập đối với kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng thủy nội địa phải có diện tích tối thiểu 5.000 m2.  3.Cảng hàng không quốc tế:  Hiện nay các kho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc các cảng hàng không, sân bay quốc tế đang hoạt động có mô hình quản lý, khai thác là như nhau. Tuy nhiên, về quy mô, diện tích, vị trí bố trí kho hàng hóa có sự khác nhau do phụ thuộc vào thực tế quy hoạch, bố trí tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế như:  - Cảng hàng không sân bay quốc tế Nội Bài gồm các kho hàng hóa như: kho ACSV, diện tích khai thác khoảng 25.000m2; kho ALS, diện tích khoảng 20.000m2; kho NTCS, diện tích khoảng 30.000m2; Cảng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất có 02 kho: SCSC, TCS có diện tích khoảng 25.000m2; kho cảng hàng không Đà Nẵng 7.000m2.  Do vậy, quy định về thành lập đối với Kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng hàng không quốc tế phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2.  - Quy mô, diện tích tại cảng hàng không trên địa bàn cả nước có nhiều sự khác nhau, tại một số cảng hàng không nội địa được phép khai thác chuyến bay quốc tế (Liên Khương – Lâm Đồng, Thọ Xuân – Thanh Hoa, Vinh – Nghệ An….), việc bố trí kho hàng tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng hàng không quốc tế là rất khó khăn do quỹ đất tại khu vực sân bay còn hạn hẹp và lưu lượng hàng hóa rất thấp, do vậy để tạo điều kiện cảng hàng không nội địa được phép khai thác chuyến bay quốc tế kho, bãi, địa điểm phải có diện tích tối thiểu 500 m2 là phù hợp.  4. Ga liên vận đường sắt quốc tế:  Hiện nay trên toàn quốc có 03 ga liên vận đường sắt quốc tế (Đồng Đăng – Lạng Sơn; Yên Viên – Hà Nội; Lào Cai) đã được đưa vào khai thác, sử dụng khá lâu mà chủ yếu hàng hóa xuất nhập khẩu được trung chuyển qua đường sắt đi qua các cửa khẩu biên giới, cảng biển có ít lượng hàng hóa làm thủ tục, kiểm tra giám sát hải quan tại khu vực ga. Do vậy, quy định về việc thành lập kho, bãi, địa điểm trong khu vực ga liên vận đường sắt quốc tế phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2 là phù hợp.  I |
|  | 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị  Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này. | Khoản 3 Điều 36 là quy định cơ sở vật chất, trang thiết bị cho địa điểm tập kêt, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tập trung nên áp dụng quy định này đối với địa điểm kho, bãi, địa điểm được thành lập trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế là phù hợp cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. |
|  | 4. Hồ sơ và trình tự công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định này. |  |
|  | 5.Đối với kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đã và đang hoạt động phải thực hiện hoàn thiện các điều kiện quy định tại Nghị định này gửi hồ sơ đến Tổng cục Hải quan để được công nhận theo quy định. | Hiện nay, trên địa bàn toàn quốc đối với khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đã và đang hoạt động còn rất manh mún, nhỏ lẻ, nhiều cảng hoạt động lẫn hàng hóa nội địa và hàng hóa xuất nhập khẩu trong khu vực cảng gây khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, dễ dẫn đến thẩm lậu và gian lận. Do vậy, để đảm bảo khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát trước khi cho phép hàng hóa xuất nhập khẩu để làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị đinh số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ cũng như để thực hiện Điều 41 Luật hải quan, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra cảng, kho, bãi, địa điểm có kết nối Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đang được triển khai tại cảng Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu…. Việc yêu cầu các kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đã và đang hoạt động phải thực hiện hoàn thiện các điều kiện quy định tại Nghị định này gửi hồ sơ đến Tổng cục Hải quan để được công nhận theo quy định.  Theo Quyết định số 70/2013/QĐ-TTg ngày 19/11/2013 về việc công bố danh mục phân loại cảng biển Việt Nam có các loại cảng biển sau: cảng biển loại I, cảng biển loại IA, cảng biển loại II và loại cảng biển dầu khí ngoài khơi (cảng biển loại III). |
| **Điều 2. Hiệu lực thi hành** |  | 3. Các trường hợp kho, bãi, địa điểm đã được thành lập, hoạt động trước khi Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, địa điểm được tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý hành hóa xuất-nhập-tồn đang sử dụng đến thời điểm sau 06 tháng kể từ ngày có hướng dẫn của Tổng cục Hải quan về chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp. Quá thời hạn trên, Cục Hải quan tỉnh, thành phố rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động theo quy định. | Bổ sung điều khoản chuyển tiếp về hiệu lực thi hành đối với phần mềm quản lý hàng hóa xuất-nhập-tồn của doanh nghiêp kinh doanh kho, bãi, địa điểm. |
| **Phụ lục** |  | Mẫu số 3. Quyết định mở rộng/thu hẹp đối với kho ngoại quan và địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS) |  |

--------------------------------------------------